

MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG TẠI MIỀN NAM (1954-1960)

NGUYỄN BÌNH*

Những năm 1954-1960 là giai đoạn đầy khó khăn, thách thức trong bước chuyển chiến lược của cách mạng miền Nam, Trung ương Đảng và các đảng bộ miền Nam đã lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, chống “tổ cộng, diệt cộng”, giữ gìn lực lượng cách mạng, tiến hành đồng khởi, bước đầu đánh bại âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai. Những thành công và hạn chế trong quá trình Đảng lãnh đạo công tác xây dựng Đảng tại miền Nam giai đoạn này để lại một số kinh nghiệm quý báu cho công tác xây dựng Đảng mà đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

1. Bám sát tình hình thực tiễn, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị; đường lối chính trị đúng đắn là nhân tố quyết định việc xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng và tổ chức

Báo cáo về tình hình miền Nam trình bày tại HNTƯ 9 (Khóa III, 12-1963) nêu rõ: khi đường lối, nhiệm vụ, mục tiêu chiến lược không rõ ràng thì phương pháp, hình thức, phương châm đấu tranh không rõ, làm ảnh hưởng đến tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng, nguy

hại đến phong trào. Kể cả trong trường hợp phương châm, hình thức tổ chức và đấu tranh có khéo léo đến đâu cũng khó bảo tồn được lực lượng và giữ vững được phong trào.

Kiểm điểm sự lãnh đạo trong giai đoạn 1954-1959, các cấp ủy Đảng ở miền Nam thấy rằng: do đã không xác định một cách rõ ràng, đúng đắn đường lối, nhiệm vụ chiến lược, nên đã không xây dựng được phương pháp cách mạng khoa học để bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng. Chính vì thế, việc lãnh đạo xây dựng Đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị gặp rất nhiều khó khăn, nhiều phức tạp về tư tưởng, về tổ chức nảy sinh, không giải quyết được, dẫn tới bế tắc. Chỉ từ khi xác định đúng đường lối chính trị, cách mạng mới thoát ra khỏi khó khăn, chuyển thế đi lên.

Vấn đề cốt lõi trong đường lối cách mạng miền Nam là vấn đề đấu tranh vũ trang, dùng bạo lực cách mạng để bảo vệ lực lượng ta, lật đổ chính quyền địch đã không được nêu ra kịp thời với tình hình. Do đó, trước khó khăn, các đảng bộ tại miền Nam dù có cùng cố đi, cùng cố lại tổ chức Đảng, ta vẫn không tránh khỏi bị thiệt hại. Cuối cùng, những trở ngại về đường lối cách mạng giải phóng miền Nam của Trung

* Học viện CT-HC Quốc gia Hồ Chí Minh

ương Đảng đã bắt gặp tâm tư, nguyện vọng cháy bỏng của cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Nam. Ý Đảng đã hòa quyện với lòng dân. Nghị quyết 15 đến với Đảng bộ và nhân dân miền Nam chỉ ngắn gọn trong bốn từ “Đảng cho đánh rồi”. Chỉ bốn từ ngắn gọn đó đã thổi bùng ngọn lửa cách mạng đang âm ỉ cháy trong lòng cán bộ, đảng viên và nhân dân yêu nước miền Nam.

Với đường lối cách mạng đúng đắn, chỉ với một số ít đảng viên, Đảng bộ miền Nam đã lãnh đạo nhân dân vùng dậy, làm nên cao trào đồng khởi long trời, lở đất, chuyển thể phong trào cách mạng. Thực tế đó cho thấy, khi đường lối đúng, khi những vướng mắc về đường lối được tháo gỡ, Đảng sẽ động viên được sức mạnh to lớn của quần chúng.

Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tế, trong giai đoạn 1954-1961, hệ thống tổ chức Đảng tại miền Nam đã thay đổi. Khi chuyển sang chiến tranh cách mạng, yêu cầu phải tăng cường sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Trung ương, do đó, Trung ương Đảng thành lập cơ quan lãnh đạo của Trung ương tại miền Nam, đồng thời có sự thay đổi ở cấp liên tỉnh ủy cho phù hợp với tình hình mới.

2. Đặc biệt coi trọng công tác tư tưởng trước những bước chuyển của cách mạng

Thực tế cho thấy, trong những bước chuyển của cách mạng, khi tình hình thuận lợi hoặc khó khăn, thường nảy sinh những vấn đề về tư tưởng.

Khi thuận lợi là mặt nổi trội, thường phát sinh tư tưởng nôn nóng, chủ quan, mất cảnh giác, lạc quan quá mức. Khi phải đối mặt với

quá nhiều khó khăn, thách thức, thường nảy sinh tư tưởng bi quan, chán nản, dao động, co thủ. Bất cứ tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân nghiêng theo hướng nào đều có hại cho sự nghiệp cách mạng.

Trong 30 năm chiến tranh giải phóng, giai đoạn 1954-1960 là giai đoạn có tính chất bước ngoặt của cách mạng, diễn biến tình hình hết sức phức tạp, hội đủ các yếu tố thuận lợi và khó khăn, mà khó khăn là mặt chủ yếu, bao trùm. Các Đảng bộ tại miền Nam ý thức được những khó khăn khi phải chuyển thể phong trào, đã đặc biệt coi trọng công tác tư tưởng. Trước hàng loạt vấn đề tư tưởng nảy sinh trong việc bố trí ai đi tập kết, ai ở lại tiếp tục đấu tranh, tổng tuyển cử sẽ diễn ra đúng thời hạn hay không... các cấp ủy Đảng đã triệu tập các hội nghị cấp xứ, liên khu và cấp tỉnh, và phát huy hiệu quả vai trò của các phương tiện truyền thông khác như sách, báo... nhằm giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Nam hiểu rõ đường lối, chính sách của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới, xây dựng niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ.

Tuy nhiên, công tác tư tưởng lúc đầu thiên về một chiều, nhấn mạnh thuận lợi, không thấy hết khó khăn, nên trong cán bộ, đảng viên và nhân dân nảy sinh tư tưởng cầu an, hưởng lạc, tư tưởng lạc quan quá mức, sinh ra chủ quan, nôn nóng, bộc lộ lực lượng. Đến khi tổng tuyển cử thống nhất đất nước không diễn ra, từ lạc quan chuyển sang bi quan, dao động, nằm im, chạy dài, đầu hàng, xuất thủ.

Khi phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ sau đồng khởi, tư tưởng chủ quan, nôn nóng lại xuất hiện. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, diễn biến tình hình quá nhanh làm cho công tác tư tưởng của các Đảng bộ miền Nam chuyển không kịp. Trong khi đó, kẻ thù với lực lượng và bộ máy tuyên truyền khổng lồ, ra sức phản tuyên truyền ta, càng làm cho tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân diễn biến phức tạp, một số cán bộ, đảng viên hoài nghi về đường lối của Đảng.

Yêu cầu đặt ra đối với công tác tư tưởng của Đảng là phải được tiến hành thường xuyên liên tục bằng nhiều hình thức, luôn theo sát diễn biến tình hình thực tế, phải được tiến hành một cách toàn diện, tránh rơi vào một chiều, dẫn đến những tư tưởng lệch lạc.

3. Chủ trương, đường lối của Đảng phải xuất phát từ thực tiễn, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và quần chúng

Đồng thời với nghiên cứu lý luận, phải tăng cường tổng kết thực tiễn, đặc biệt là tổng kết thực tiễn từ cơ sở để phát hiện nhân tố mới, mở ra hướng đi cho phong trào cách mạng và lấy đó làm thước đo cho tính đúng đắn của đường lối, chính sách.

Thực tế năm 1959, nhiều cán bộ đảng viên, quần chúng yêu nước dám tuyên bố chịu kỷ luật để khẳng định chính kiến của mình là đã đến lúc phát động đấu tranh vũ trang.

Thực tiễn là thước đo để kiểm tra tính đúng đắn của đường lối, chủ trương, chính sách. Phương châm tổng kết là nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật. Trong quá trình đó, một số chủ trương của Xứ ủy Nam

Bộ và Liên khu ủy V như đưa cán bộ, đảng viên ra hoạt động công khai, hợp pháp những năm 1954-1958 không phù hợp thực tiễn làm tổn hại đến lực lượng cách mạng.

Hoạt động của Đảng bộ miền Nam giai đoạn này không theo kịp sự biến chuyển của tình hình, lạc hậu so với thực tế, bị động, do không xuất phát từ tình hình thực tế, đánh giá tương quan lực lượng ta- địch thiếu khoa học. Những năm 1958-1959, nhân dân miền Nam không thể sống hoà bình dưới chế độ độc tài phát xít Ngô Đình Diệm được nữa, những “làng rừng” bất hợp pháp, những cuộc nổi dậy diệt ác, phá kim là cơ sở cho Đảng ta thấy rõ không còn con đường nào khác ngoài con đường lãnh đạo nhân dân miền Nam vùng lên khởi nghĩa đánh đổ chính quyền địch, giành quyền làm chủ bằng con đường cách mạng bạo lực. “Khi địch lôi máy chém đi khắp miền Nam đưa sự tàn bạo phát xít đến cùng cực, ở Minh Hải có hàng vạn thanh niên vào rừng U Minh. Một không khí cách mạng bùng lên: chính thực tế đó của Minh Hải giúp cho Trung ương thấy cần phải và có thể phát động quần chúng vùng dậy đấu tranh”¹.

Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng chính là sự tổng kết thực tế đấu tranh đau thương và anh dũng của nhân dân miền Nam trong giai đoạn 1954-1959. Bài học đúc kết là Đảng phải xuất phát từ tình hình thực tế khách quan, nắm vững tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân, của cán bộ, đảng viên cơ sở từ đó xây dựng chủ trương, đường lối, phương pháp cách mạng cho phù hợp.

4. *Phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của đảng bộ cơ sở trong việc tìm tòi những biện pháp thích hợp với tình hình cụ thể để tổ chức thực hiện đường lối của cách mạng*

Mục tiêu của cách mạng ở miền Nam trong những năm 1954-1960 là đấu tranh giữ gìn lực lượng, đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ. Trước tình hình trong nước và quốc tế lúc đó, Đảng ta chưa thể có ngay một đường lối thực hiện mục tiêu thống nhất đất nước có hiệu quả, những chủ trương, đường lối, phương châm của Trung ương Đảng khó có điều kiện cụ thể và sát hợp với mỗi địa phương. Chính vì thế, các đảng bộ địa phương, một mặt phải chấp hành đường lối, chủ trương của cấp trên, mặt khác phải chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức thực hiện cho phù hợp với tình hình địa phương.

Trong thực tế, đảng bộ nào linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức thực hiện thì đội ngũ đảng viên và quần chúng cách mạng ít bị tổn thất. Nơi nào cấp uỷ, cán bộ, đảng viên thụ động, máy móc trong tổ chức thực hiện đường lối thì cách mạng sẽ gặp khó khăn, tổn thất.

Xứ ủy Nam Bộ và Liên khu ủy V là những cơ quan chịu trách nhiệm trước Trung ương Đảng về phong trào cách mạng miền Nam, một mặt phải chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối đấu tranh bằng phương pháp hoà bình, đồng thời phải đấu tranh bảo vệ Đảng, bảo vệ dân. Trong bối cảnh tình hình miền Nam diễn biến nhanh và phức tạp, việc chuyển hướng xây dựng tổ chức cũng như lãnh đạo phong trào đấu tranh của Đảng bộ Nam Bộ chưa kịp thời, chính xác. Phương châm đấu

tranh chưa thích hợp, còn thụ động. Trong khi đó, đế quốc Mỹ và tay sai ra sức đàn áp phong trào cách mạng, gây cho ta nhiều tổn thất.

Tin ở quần chúng, thấu hiểu tâm tư nguyện vọng của quần chúng, Xứ ủy Nam Bộ đẩy mạnh phong trào diệt ác trừ gian, đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ, đã mở lối ra cho phong trào, quần chúng nhân dân phấn khởi, là tiền đề cho cao trào đồng khởi đầu năm 1960 tại Nam Bộ. Ở miền Tây Liên khu V, Đảng lãnh đạo nhân dân nổi dậy chống càn, phá khu đồn dân, khu tập trung, trở về làng cũ.

5. *Lấy dân làm gốc, dựa vào dân để xây dựng và bảo vệ Đảng*

Thực tế những năm 1954-1960 cho thấy, do Đảng chưa xây dựng được các đoàn thể quần chúng lớn mạnh nên công tác xây dựng Đảng gặp nhiều khó khăn. Việc lợi dụng những tổ chức công khai, hợp pháp không thực sự thu hút được đông đảo quần chúng, chỉ có hiệu quả lúc ban đầu. Do vậy, Đảng khó lãnh đạo được đông đảo quần chúng đấu tranh cách mạng. Đồng thời, công tác phát triển Đảng gặp nhiều khó khăn do không có những tổ chức quần chúng để qua đó rèn luyện, chọn lọc những cá nhân ưu tú, bổ sung vào đội ngũ của Đảng.

Đảng phải dựa vào dân. Cuối năm 1955, Liên khu ủy V nhận thức rằng, trong hoàn cảnh địch đánh phá khốc liệt, cần thấy tính chất quan trọng trong mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng. Nếu cán bộ, đảng viên quan hệ tốt với quần chúng, dựa vào quần chúng thì cán bộ, đảng viên được che giấu, hoạt động dễ dàng.

Sức sống của Đảng là bất diệt khi được nuôi dưỡng trong phong trào quần chúng. Ta đánh bại âm mưu “tắt nước bắt cá” tách Đảng khỏi dân của kẻ thù. Bằng nhiều biện pháp, mối quan hệ gắn bó giữa dân với Đảng được củng cố hơn bao giờ hết. Sự đùm bọc, che chở, nuôi dưỡng, bảo vệ của nhân dân giúp Đảng bộ miền Nam vượt qua thử thách khốc liệt trong những năm 1954-1960. Điều đó đã đi vào ca dao: “*Đảng còn, đất còn, mất Đảng, mất đất, mất đầu*”, “*còn cán bộ cách mạng là còn cách mạng, còn cách mạng mới còn ruộng đất*”, “*Không dân Đảng biết làm sao /Không Đảng dân biết đảng nào mà đi*”, thể hiện mối quan hệ Đảng với dân, dân với Đảng trong những tháng ngày đen tối nhất của cách mạng miền Nam.

Quan tâm đến nguyện vọng, quyền lợi của nhân dân, nhất là quyền lợi ruộng đất là một trong những biện pháp hữu hiệu để bảo vệ Đảng. Cuộc đấu tranh vì quyền lợi của nông dân, trong đó đặc biệt là quyền lợi ruộng đất, là cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ. Các cấp uỷ Đảng đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống cướp đất, đuổi nhà, chống tăng tô, chống thuế. Chính vì thế, Đảng đã xây dựng được “căn cứ địa lòng dân” để bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng.

1. Đề tựa cuốn *Làng rừng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Minh Hải xuất bản năm 1993.

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG...

(Tiếp theo trang 30)

trong đó ngành thủy sản đạt hơn 3 tỷ USD. Năm 2007, Việt Nam đứng thứ hai thế giới về xuất khẩu gạo, đứng đầu về xuất khẩu cà phê robusta và hạt tiêu, trở thành một trong 10 nước hàng đầu về xuất khẩu thủy sản... Riêng trong lĩnh vực nông nghiệp, có 5 mặt hàng đã đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD là thủy sản (3,8 tỷ USD), gỗ (2,4 tỷ USD), cà phê (1,86 tỷ USD), gạo (1,46 tỷ USD), cao su (1,4 tỷ USD)⁷..., mặc dù nông nghiệp năm 2007 phải đối mặt với những khó khăn gay gắt như bão, lũ, gây thiệt hại 111.514 tỷ đồng (tương đương gần 0,7% GDP). Năm 2008 giá trị kim ngạch xuất khẩu toàn ngành đạt 16,35 tỷ USD tăng 30% so với năm 2007⁸.

Phát triển nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của CNH, HĐH đất nước, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu mà Đảng đã đề ra: “tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”.

1, 2,3, 4, 5,6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, CTQG, H, 2005, tr.48, 270, 546, 639, 639-641, 641

7. Học viện CT-HC Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Thông tin: *Những vấn đề chính trị - xã hội*, 6-2008, tr.15

8. Xem: Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 1-2009, bài của Thứ trưởng Bộ nông nghiệp, phát triển nông thôn Diệp Kinh Tân: “*Phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong tiến trình công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước*”.